



# TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TƯƠNG TÁC XÃ HỘI CỦA TRẺ ĐIẾC MẦM NON

LÊ THỊ THÚY HẰNG

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Email: thuyhang213@yahoo.com

**Tóm tắt:** Sự hạn chế về kĩ năng tương tác xã hội của trẻ điếc chính là rào cản đối với khả năng hòa nhập, thích ứng xã hội của trẻ. Việc tăng cường hiệu quả tương tác xã hội cho trẻ điếc ở lứa tuổi mầm non sẽ giúp trẻ chủ động trong sử dụng ngôn ngữ và các phương thức biểu đạt và tiếp nhận thông tin trong bối cảnh giao tiếp, giúp cho sự phát triển và khả năng hòa nhập xã hội của trẻ. Bài viết đề cập đến: Một số khái niệm liên quan đến khiếm thính, điếc và tương tác xã hội; Đặc điểm nhu cầu sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong tương tác xã hội của trẻ điếc; Một số lưu ý đảm bảo tăng cường hiệu quả trong tương tác xã hội của trẻ điếc, trong đó nhấn mạnh đến khuyến khích trẻ sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, sử dụng phương thức giao tiếp tổng hợp và thích ứng với nhu cầu giao tiếp thị giác để tạo một môi trường thân thiện, không áp lực, không có sự phân biệt loại hình ngôn ngữ với trẻ điếc.

**Từ khóa:** Tương tác xã hội; ngôn ngữ kí hiệu; quá trình giao tiếp; mầm non.

(Nhận bài ngày 23/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 12/9/2017; Duyệt đăng ngày 25/9/2017).

## 1. Đặt vấn đề

Hiệu quả của giao tiếp thể hiện ở chất lượng (CL) của quá trình tương tác xã hội (TTXH) đặt trong bối cảnh giao tiếp (BCGT) giữa trẻ điếc với người khác. Kết quả nghiên cứu của Holden-Pitt, L., & Albertorio, J [1], Swisher, M.V [2] cho thấy có một mối liên hệ đặc trưng về quan niệm và cách thức người nghe chi phối, điều khiển, kiểm soát và phản hồi trong giao tiếp với trẻ điếc. Điều này ảnh hưởng đến sự chủ động và CL của TTXH cũng như hiệu quả trong phát triển kĩ năng giao tiếp (KNGT) của trẻ điếc. Đặc điểm thu nhận thông tin bằng thị giác và biểu đạt thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) của trẻ điếc ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả TTXH của trẻ với người khác. Đặc điểm này đòi hỏi trẻ điếc cần được đáp ứng và tạo môi trường giao tiếp (MTGT) thuận lợi, phù hợp với quá trình truyền đạt và thu nhận thông tin bằng kí hiệu để có thể duy trì quá trình TTXH hiệu quả. Bài viết đề cập đến nhu cầu giao tiếp đặc biệt của trẻ điếc và một số lưu ý đáp ứng nhu cầu giao tiếp đặc biệt của các em để đảm bảo quá trình TTXH của trẻ đạt hiệu quả.

## 2. Tăng cường hiệu quả tương tác xã hội của trẻ điếc mầm non

### 2.1. Một số khái niệm

**Khiếm thính:** Khiếm thính là thuật ngữ được sử dụng để chỉ những người nghe không rõ và không nghe thấy [3].

**Trẻ khiếm thính:** Được hiểu là những trẻ bị suy giảm sức nghe khác nhau dẫn tới khó khăn về ngôn ngữ và giao tiếp, ảnh hưởng đến quá trình nhận thức và các chức năng tâm lí khác. Sự suy giảm thính lực được phân chia thành 4 mức, với quy ước thính lực bình thường là 0-20 dB: Mức 1: Giảm thính lực từ 21 - 40 dB (*Điếc nhẹ*): Trẻ nghe được âm thanh tiếng nói bình thường trong môi trường yên tĩnh và gặp khó khăn nghe khi âm thanh

lời nói nhỏ hoặc ở môi trường lớp học có âm thanh nền lớn; Mức 2: Giảm thính lực từ 41 - 70 dB (*Điếc vừa*): Trẻ nghe được âm thanh tiếng nói bình thường khi kết hợp hình miệng và thiết bị trợ thính thích hợp; Mức 3: Giảm thính lực từ 71 - 90 dB (*Điếc nặng*): Trẻ nghe được một số âm thanh tiếng nói to, nhưng không nghe được âm thanh tiếng nói bình thường nếu không có thiết bị trợ thính; Mức 4: Giảm thính lực từ 91 dB trở lên (*Điếc sâu*): Trẻ khiếm thính không nghe được âm thanh tiếng nói và không tự hình thành được ngôn ngữ nếu không được đeo thiết bị trợ thính thích hợp và luyện tập từ nhỏ. Trẻ chủ yếu giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ hoặc NNKH [4].

**Điếc:** Bên cạnh thuật ngữ "khiếm thính", thuật ngữ "điếc" cũng được sử dụng phổ biến theo các cách tiếp cận y tế, giáo dục và văn hóa. Theo Từ điển Tiếng Việt, *điếc* được hiểu là *mất khả năng nghe* [5]. Thuật ngữ "điếc" trong bài viết này được dựa theo tiếp cận văn hóa, với quan điểm người điếc có trí thông minh, khả năng học tập như người nghe và họ là những người cần sử dụng NNKH để giao tiếp.

- **NNKH:** Phạm Thị Cơ cho rằng NNKH là ngôn ngữ riêng của cộng đồng người điếc, phát triển từ tự phát đến tự giác [6]. NNKH là *ngôn ngữ* bằng tay, bao gồm các kí hiệu và câu kí hiệu với cấu trúc ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nói [7]. NNKH có tính chất của một loại ngôn ngữ tự nhiên, được tiếp thu bằng mắt và biểu đạt bằng vận động của bàn tay, cánh tay, cơ thể và khuôn mặt. NNKH phát triển độc lập bên cạnh ngôn ngữ lời nói hoặc ngôn ngữ viết. [8].

- **TTXH:** Là những kĩ năng (KN) được trẻ sử dụng đối với các cuộc đàm thoại trong BCGT tại môi trường lớp học, gia đình, cộng đồng.

Có hai nhóm tiêu chí xác định KN TTXH bao gồm: Trẻ sử dụng từ ngữ để thông báo, chỉ dẫn, đặt câu hỏi hay diễn đạt thông tin; Trẻ sử dụng các quy tắc đàm

thoại để giao tiếp lần lượt, chú ý, khởi xướng và phản hồi trong giao tiếp [9]. Hiệu quả của TTXH được thể hiện thông qua những phản hồi tích cực, sự hài lòng, thông hiểu lẫn nhau... của các thành viên cùng tham gia quá trình giao tiếp.

Lứa tuổi mầm non (MN) là thời điểm cần thiết, nhạy cảm và quan trọng với trẻ điếc để có thể học hỏi và sử dụng KN TTXH. Việc phát triển KN TTXH sẽ giúp trẻ điếc biết cách sử dụng NNKH và kết hợp với các phương tiện biểu đạt thông tin khác để tham gia vào quá trình hội thoại, cũng như biết các quy tắc giao tiếp phù hợp trong BCGT. Từ đó, trẻ tự tin, không tách biệt và sẵn sàng cho một quá trình học tập, hòa nhập với xã hội.

**2.2. Đặc điểm nhu cầu sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong tương tác xã hội của trẻ điếc**

*2.2.1. Ngôn ngữ kí hiệu thay thế cho ngôn ngữ lời nói và là phương tiện cơ bản để trẻ điếc biểu đạt thông tin*

Để đáp ứng nhu cầu thu nhận và biểu đạt thông tin, trẻ điếc có sự bù trừ chức năng đó là: Thị giác trở thành giác quan chủ đạo, đảm nhiệm phần chức năng của thính giác. Thị giác, xúc giác và cơ giác vận động của trẻ điếc có chức năng phối hợp để giúp trẻ thu nhận thông tin, mã hóa thông tin và biểu đạt thông tin bằng NNKH.

Nếu thị giác có chức năng là kênh tiếp nhận thông tin chủ yếu thì xúc giác và cơ giác vận động có chức năng mã hóa thông tin về thế giới xung quanh bằng các biểu tượng kí hiệu, biểu đạt thông tin nhận biết được bằng NNKH. Sinhiak V.A., Nudenman M.M cho rằng với cơ chế giao tiếp thị giác, NNKH là phương tiện giao tiếp chủ đạo của người điếc [10]. NNKH có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nhận thức và xã hội của trẻ điếc. Khi được giao tiếp theo hình thức thị giác và sử dụng NNKH ngay ở giai đoạn đầu đời, trẻ điếc sẽ được tiếp cận sớm với ngôn ngữ, tạo tiền đề thuận lợi cho trẻ giao tiếp và học hỏi. Để đảm bảo cho quá trình TTXH có hiệu quả với trẻ điếc, theo Loots & Devisé, các thành viên tham gia cần điều chỉnh bằng cách đưa NNKH vào tương tác và nâng giao tiếp bằng NNKH với trẻ điếc lên cấp độ hội thoại [11].

*2.2.2. Nhu cầu giao tiếp đồng dạng bằng ngôn ngữ kí hiệu cần được tăng cường ở ngay thời điểm trẻ bắt đầu phát triển ngôn ngữ và tương tác xã hội*

Giao tiếp bằng NNKH là một trong những hình thức tương tác chính của trẻ điếc. Bước sang 3 tuổi, trẻ bước sang giai đoạn ngôn ngữ phát triển siêu tốc và đóng vai trò quan trọng trong TTXH. Trong giai đoạn này, việc đáp ứng nhu cầu giao tiếp đồng dạng bằng NNKH của trẻ điếc là cần thiết để đảm bảo không bỏ qua thời điểm phát triển ngôn ngữ siêu tốc của trẻ và giúp trẻ tự tin, chủ động trong giao tiếp.

Biểu hiện rõ nhất của nhu cầu giao tiếp đồng dạng bằng NNKH trong TTXH của trẻ điếc được bộc lộ ở giai đoạn trẻ thay đổi từ hoạt động (HĐ) chơi với đồ vật sang HĐ chơi xã hội. Ở giai đoạn này, các HĐ giao tiếp, thỏa thuận, tương tác phối hợp có mục đích để giải quyết

một nhiệm vụ cùng nhau, đòi hỏi trẻ sử dụng ngôn ngữ một cách tích cực và hiệu quả. Trẻ điếc sẽ tỏ ra chủ động và có khả năng mở rộng, duy trì HĐ giao tiếp khi các trẻ nghe và giáo viên (GV) có khả năng sử dụng NNKH. Tuy nhiên, nếu trong HĐ, GV và trẻ nghe chỉ sử dụng lời nói với trẻ điếc sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian duy trì HĐ tương tác, CL tương tác và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ điếc. Trẻ sẽ trở nên bị động, ít tích cực và khó khăn trong phát triển nội dung giao tiếp.

Theo Prezbindowski, sự hạn chế trong đáp ứng nhu cầu giao tiếp đồng dạng bằng NNKH của người nghe với trẻ điếc sẽ hạn chế cơ hội phát triển NNKH của trẻ điếc, giảm sự đồng cảm, thấu hiểu và duy trì HĐ tương tác giữa trẻ với người nghe, đồng thời giữa người nghe và trẻ điếc sẽ không hiểu, không phản ứng với những hành vi biểu đạt của nhau [12].

*2.2.3. Nhu cầu giao tiếp bằng hình thức tiếp nhận thông tin bằng thị giác*

Khi thính giác bị suy giảm, thị giác của trẻ điếc có đặc điểm HĐ chức năng tích cực và là cơ quan thu nhận thông tin chủ yếu. Thị giác giúp trẻ điếc có thể phát hiện được đối tượng giao tiếp, nhận diện được thông tin truyền đạt đến và duy trì HĐ TTXH với mọi người xung quanh. Các biểu hiện giao tiếp thị giác qua ánh mắt, cử chỉ, NNKH... được sử dụng trong giao tiếp thay thế cho lời nói sẽ giúp trẻ điếc dễ dàng kết nối, duy trì và mở rộng thông tin giao tiếp.

Trẻ điếc cần nhiều hơn các hành vi biểu đạt bằng cử chỉ điệu bộ, NNKH, thậm chí là những thu hút xúc giác trực tiếp để nhận diện được thông điệp bằng thị giác. Nhu cầu giao tiếp tuần tự, quá trình thu nhận thông tin và phản hồi thông tin bằng NNKH cần được trẻ điếc quan sát đầy đủ.

Trong các HĐ diễn ra ở trường học, GV và các trẻ nghe thường có thói quen trước khi diễn đạt thông tin với trẻ điếc vẫn không ra hiệu để trẻ điếc quan sát, tập trung chú ý vào mình. GV và các trẻ nghe thường tỏ ra thiếu KN, lúng túng trong thu hút sự quan sát của trẻ điếc. Mức độ GV và trẻ nghe khi giao tiếp với trẻ có sự điều chỉnh từ giao tiếp nghe - nói sang đáp ứng nhu cầu giao tiếp thị giác của trẻ điếc phần lớn còn hạn chế, không khuyến khích động lực TTXH của trẻ điếc với trẻ nghe và GV. Tần suất và thời gian tạo lập cùng tập trung chú ý vào hội thoại giữa GV, trẻ nghe với trẻ điếc thấp hơn nhiều so với tần suất và thời gian tạo lập cùng tập trung chú ý giữa các trẻ nghe với nhau và GV với trẻ nghe.

Theo Mar Tuck, người nghe thường thiếu nhạy cảm với hình thức giao tiếp thị giác và biểu đạt bằng NNKH nên thường có phản hồi ngay tức thì mà không chờ đợi trẻ điếc nhìn vào mình trước khi giao tiếp với trẻ. Điều này làm cho thông tin phản hồi của người nghe không được trẻ điếc quan sát và thu nhận đầy đủ, làm giảm đi hiệu quả của hình thức giao tiếp cùng tập trung chú ý [13].

**2.3. Một số lưu ý đảm bảo tăng cường hiệu trong tương tác xã hội của trẻ điếc****2.3.1. Khuyến khích trẻ sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong các hoạt động**

Việc GV và trẻ nghe không chấp nhận NNNH của trẻ điếc trong lớp MN và có thiên hướng giao tiếp theo phương thức nghe nói sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cũng như mức độ tham gia, TTXH của trẻ điếc. Hậu quả là trẻ điếc sẽ gặp khó khăn với các quy tắc ứng xử và thể hiện nhiều hành vi rối loạn về mặt xã hội. Trẻ điếc cần được tạo một môi trường ngôn ngữ và TTXH một cách tích cực để có cơ hội sử dụng và phát triển NNNH trong các HĐ TTXH với bạn và GV. Để khuyến khích trẻ sử dụng NNNH, GV cần:

*Để trẻ điếc được chủ động lựa chọn môi trường và HĐ chơi:* Khi trẻ điếc được chủ động lựa chọn HĐ và môi trường chơi, trẻ sẽ sử dụng nhiều ngôn ngữ hơn và tìm cách diễn đạt để thỏa mãn nhu cầu được nói ra những điều trẻ quan tâm, yêu thích và suy nghĩ. Vì vậy, sự hạn chế trong diễn đạt bằng âm thanh, lời nói không còn là rào cản mà thay vào đó trẻ tìm cách sử dụng NNNH để diễn đạt. Trẻ trở nên tự tin hơn trong thể hiện ngôn ngữ theo cách của mình. Ngôn ngữ của trẻ cũng trở nên phong phú, tích cực hơn. Trẻ điếc nhận ra sự thích thú, thỏa mãn của bản thân khi được diễn đạt và bắt đầu đánh giá cao ngôn ngữ của chính mình.

*Tăng cường tổ chức HĐ để các trẻ được tương tác cùng nhau:* Quá trình TTXH giúp trẻ điếc và trẻ nghe học được cách truyền đạt thông tin và tiếp nhận thông tin cùng nhau. Tuy có sự khác biệt về cách biểu đạt ngôn ngữ nhưng khi các trẻ cùng chơi với nhau, những khác biệt về ngôn ngữ sẽ khiến trẻ hiểu nhau hơn. HĐ chơi cùng nhau giúp trẻ điếc cảm thấy thoải mái hơn khi sử dụng NNNH, đồng thời các trẻ nghe cũng có cơ hội trải nghiệm, hiểu và chấp nhận NNNH của trẻ điếc.

*Tạo cơ hội để trẻ điếc được diễn đạt trẻ có gì, thích gì, quan tâm gì trước các bạn:* GV cần dành thời gian trong ngày để trẻ điếc có thể đứng trước lớp chia sẻ về đồ chơi hoặc một điều mà trẻ thấy thích thú, ấn tượng. Trẻ điếc sẽ có cơ hội lấy vật dụng của mình chia sẻ với bạn trong lớp và tận hưởng những trải nghiệm cá nhân. Trẻ điếc có cơ hội được khoe và được nói bằng NNNH của mình một cách hứng thú nhất với cảm xúc thích thú theo đúng sự phát triển lứa tuổi. Bằng cách này, GV đã trao cho trẻ điếc cơ hội và tạo động lực để trẻ có thể diễn đạt những điều trẻ yêu thích. Trẻ được trải nghiệm và quan tâm trước các bạn theo cách của trẻ nhằm chuyển tải thông điệp và giúp các bạn có thể hiểu và làm quen với ngôn ngữ của mình.

**2.3.2. Bên cạnh sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, khuyến khích sử dụng phương thức giao tiếp tổng hợp để đảm bảo quá trình tương tác xã hội với người nghe hiệu quả**

Khi trẻ điếc giao tiếp cùng với GV và trẻ nghe, sự khác biệt về phương thức thể hiện ngôn ngữ chính là rào cản để trẻ điếc hiểu rõ được thông điệp của GV, trẻ

nghe và ngược lại. Vì vậy, trong các HĐ diễn ra ở trường MN, cần thiết lập một MTGT thoải mái để trẻ điếc có thể sử dụng NNNH một cách tự tin. Đồng thời GV và trẻ nghe học cách thể hiện phương thức giao tiếp tổng hợp, đảm bảo quá trình TTXH của trẻ điếc với GV và trẻ nghe được diễn ra hai chiều, giúp các thành viên hiểu rõ thông tin.

Giao tiếp tổng hợp là phương thức được sử dụng giúp hỗ trợ các thành viên tương tác hiệu quả. Phương thức này tập trung hỗ trợ và chấp nhận giao tiếp có sự xuất hiện của cử chỉ điệu bộ, kí hiệu ngôn ngữ, chữ viết, lời nói, khẩu hình, âm thanh, tranh ảnh, ấn phẩm... Giao tiếp tổng hợp có ý nghĩa khi trẻ điếc tương tác với GV và trẻ nghe. Sự kết hợp đồng thời các hình thức thể hiện thông tin giúp quá trình diễn đạt thông tin được hỗ trợ đến đối tượng tiếp nhận bằng nhiều cách khác nhau, phù hợp với đối tượng giao tiếp. Đồng thời, phương thức này giúp người diễn đạt thông tin tham gia vào quá trình TTXH trở nên linh hoạt, làm chủ trong quá trình trình bày. Bên cạnh đó, người tiếp nhận thông tin có thể sẽ dựa trên các phương tiện giao tiếp như cử chỉ điệu bộ, kí hiệu ngôn ngữ, chữ viết, lời nói, khẩu hình, âm thanh, tranh ảnh, ấn phẩm in... trong quá trình tương tác để có thể hiểu rõ hơn được nội dung giao tiếp.

Khuyến khích trẻ điếc sử dụng phương thức giao tiếp tổng hợp bằng cách:

- Trong quá trình tương tác với trẻ, GV hỗ trợ trẻ diễn đạt thông tin bằng việc sử dụng các phương tiện giao tiếp tổng hợp như kí hiệu, tranh ảnh, hình miêng... để làm rõ và chính xác hóa thông tin trẻ muốn diễn đạt

- GV và các trẻ nghe sử dụng phương thức giao tiếp tổng hợp có chủ đích khi tương tác với trẻ điếc. Đồng thời GV cần hỗ trợ trẻ điếc cách quan sát và đọc hiểu cách người cùng giao tiếp sử dụng các phương tiện giao tiếp tổng hợp để tương tác, hội thoại với trẻ điếc.

- Khuyến khích trẻ điếc biết cách vận dụng những hành động ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ có chủ ý hướng tới GV và các trẻ nghe nhằm thu hút, chia sẻ, hướng sự chú ý vào một vật hay sự kiện tại thời điểm giao tiếp.

Cần coi quan niệm giao tiếp tổng hợp như một phương thức nhấn mạnh đến hiệu quả giao tiếp hơn là hình thành ngôn ngữ. Vì vậy, GV không nên nghiêm cấm, ngăn chặn việc trẻ điếc sử dụng giao tiếp tổng hợp. Việc trẻ điếc được thể hiện trong các HĐ TTXH nhằm hỗ trợ, duy trì quá trình truyền và tiếp nhận thông tin hội thoại cùng nhau.

**2.3.3. Thích ứng với nhu cầu giao tiếp thị giác của trẻ điếc**

Những vấn đề về giao tiếp giữa trẻ điếc với người nghe thường do sự kiểm soát của người nghe trong BCGT ảnh hưởng đến cơ hội và CL tương tác của trẻ. Lederberg cho rằng, trong quá trình giao tiếp, người nghe thường có xu hướng nắm quyền điều khiển quá trình giao tiếp với trẻ điếc. Việc nhận thức về hạn chế ngôn ngữ của trẻ điếc làm nảy sinh một hình thức tương tác trong giao tiếp giữa người nghe với trẻ điếc theo kiểu kiểm soát.

Người nghe tỏ ra là đối tượng chủ động, đưa ra mệnh lệnh, ít phản hồi và mở rộng giao tiếp đối với trẻ điếc. Hậu quả của cách tương tác này làm cho trẻ điếc thường thụ động, không tự tin, thu hẹp phạm vi và đối tượng giao tiếp [14]. Nguyên nhân là do người nghe chưa hiểu và thích ứng với nhu cầu giao tiếp của trẻ. Việc thích ứng với những nhu cầu giao tiếp thị giác của trẻ điếc được xem là công cụ quan trọng đảm bảo cho quá trình TTXH với trẻ đạt hiệu quả. Theo Loots và Devisé, người nghe cần điều chỉnh trực giác để phù hợp với những nhu cầu giao tiếp thị giác như cầu tình cảm và phát triển của trẻ điếc bằng cách tăng cường sử dụng giao tiếp thị giác và xúc giác với trẻ [15]. Bên cạnh đó, sự cùng chú ý và tham gia của GV, các trẻ nghe với trẻ điếc tạo cho trẻ điếc cảm nhận được sự quan tâm, hưởng ứng và khích lệ vai trò của trẻ điếc trước mọi người. Điều này góp phần tích cực đối với thúc đẩy nhu cầu, động cơ được chia sẻ, giao tiếp và thể hiện mình của trẻ điếc với mọi người.

Trẻ điếc, GV và các trẻ nghe khác cần thực hành khả năng duy trì, cùng tập trung chú ý thông điệp trao đổi của nhau trong quá trình TTXH. Trong đó, các thành viên học cách giao tiếp luân phiên, cách thể hiện và đáp ứng nhu cầu giao tiếp thị giác của trẻ điếc. Bằng cách cùng lựa chọn chủ đề có liên quan đến một đối tượng cụ thể và được cùng nhau chú ý quan sát, GV và trẻ điếc có thể xây dựng một chủ đề giao tiếp về chính đối tượng được quan sát, sử dụng cách dịch chuyển và thay đổi ánh nhìn từ đối tượng đến người tương tác và trở lại đối tượng, phản hồi bằng NNNKH hoặc phi ngôn ngữ đối với những bình luận về đối tượng. Những hành vi này được coi là dấu hiệu trẻ đang tích cực tham gia vào việc cùng tập trung chú ý.

2.3.4. *Tạo một môi trường thân thiện, không áp lực, không có sự phân biệt loại hình ngôn ngữ với trẻ điếc*

Trong lớp học MN, GV và các trẻ khác cần chấp nhận sự khác biệt trong cách học và sử dụng ngôn ngữ của trẻ điếc. Sự phân biệt, kì thị về ngôn ngữ sẽ ảnh hưởng đến sự tương tác về tâm lí, tình cảm và giao tiếp xã hội giữa trẻ điếc với trẻ nghe, trẻ điếc với GV. Vì vậy, tạo dựng MTGT thân thiện, khuyến khích và trao cơ hội được thể hiện và TTXH bằng NNNKH là hết sức quan trọng đối với trẻ điếc. Theo đó, trong các HĐ diễn ra ở trường, lớp, GV và các trẻ nghe cần:

- Làm không khí lớp học trở nên thân thiện, mọi trẻ đều nhận thức và biết trân trọng sự đa dạng ngôn ngữ, đặc biệt là NNNKH và văn hóa của trẻ điếc.

- Thể hiện thái độ tôn trọng NNNKH của trẻ thông qua chấp nhận và cùng trẻ điếc tham gia sử dụng NNNKH trong các HĐ giao tiếp. Không đề cao ngôn ngữ chữ viết, lời nói,... mà cần quan niệm rằng trẻ điếc luôn luôn cần được học và lĩnh hội các KN ngôn ngữ mới (chữ viết, hình ảnh, lời nói...) để đảm bảo có thể thích ứng và sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong các HĐ giao tiếp với các đối tượng khác nhau. Cho phép và ủng hộ để trẻ điếc có nhiều cơ hội để luyện tập các KN NNNKH.

- Tạo cơ hội để trẻ điếc được làm chủ quá trình tương tác bằng NNNKH. Để trẻ điếc tương tác hiệu quả trong HĐ giao tiếp, GV và các trẻ nghe trong lớp MN cần thể hiện được khả năng cùng tập trung chú ý vào quá trình giao tiếp nhằm thu hút sự chú ý của đối tượng, hướng sự chú ý của đối tượng tới một vấn đề cụ thể trong môi trường và cùng chia sẻ cảm nhận.

Bằng việc cho trẻ điếc được tận hưởng những trải nghiệm trong các HĐ hằng ngày, tham gia những HĐ đóng vai, HĐ chơi bán hàng... hay trò chuyện với trẻ điếc, tham gia vào HĐ nghe đọc chuyện và TTXH với bạn bè... GV tạo ra một môi trường ngôn ngữ mang tính kích thích, năng động, đa dạng với nhiều cơ hội sử dụng NNNKH trong các HĐ TTXH có ý nghĩa đối với trẻ.

### 3. Kết luận

Đảm bảo quá trình TTXH của trẻ điếc MN đạt hiệu quả cũng chính là giúp trẻ phát triển KN ngôn ngữ, KN giao tiếp và khả năng hòa nhập xã hội ngay từ giai đoạn phát triển sớm. Theo đó, trong quá trình TTXH với trẻ điếc trong trường MN, GV và các trẻ nghe cần hiểu rõ đặc điểm, nhu cầu giao tiếp thị giác và sử dụng NNNKH của trẻ điếc, đồng thời tạo môi trường khuyến khích, thuận lợi cho trẻ được sử dụng kí hiệu và duy trì sự tham gia hội thoại một cách chủ động.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Holden-Pitt, L., & Albertorio, J., (1998), *Thirty years of the Annual Survey of Deaf and Hard-of-Hearing Children and Youth: A glance over decades*, American Annals of the Deaf, p.72-76.
- [2]. Swisher, M.V., (2000), *Learning to converse: How deaf mothers support the development of attention and conversational skills in their young deaf children*, In P.E.Spencer.
- [3]. *Tài liệu Hỏi đáp về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam*.
- [4]. Nguyễn Thị Hoàng Yến, (2001), *Đại cương về giáo dục trẻ điếc*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Viện Ngôn ngữ học, (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.316.
- [6]. Phạm Thị Cơi, (1988), *Quá trình hình thành ngôn ngữ nói ở người điếc Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học.
- [7]. *SKI-HI Curriculum*, (2004). Logan, UT: Hope, Inc.
- [8]. Mayberry, R. I., (2002), *Cognitive development of deaf children: The interface of language and perception in neuropsychology*, In S. J.
- [9]. Diane Bricker & Kristie Pretti-Frontczak, (1996), *AEPS Measurement for three to six years*, PAULH BROOKES.
- [10]. Sinhiak V.A., Nudenman M.M, (1999), *Những đặc điểm của sự phát triển tâm lí trẻ điếc*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [11]. Loots & Devisé, (2003), *The use of visual tactile communication strategies by deaf and hearing fathers and mothers of deaf infants*, Journal of Deaf studies and Deaf





Education, 8, p.31-42.

[12]. Prezbindowski, Adamson, & Lederberg, (1998), *Joint attention in deaf and hearing 22 month- old children and their hearing mother*, Journal of Applied Developmental Psychology, 19(3), 337-387.

[13]. MacTurk, R. H., Meadow-Orlans, K. P., Koester, L. S., & Spencer, P. E., (1993), *Social support, motivation, language, and interaction. A longitudinal study of mothers and deaf infants*, American Annals of the Deaf, 138 (1).

[14]. Lederberg & Mobley, (1990), *The Effect of Hearing Impairment on the Quality of Attachment and Mother-Toddler Interaction*, Child Development, 61, p.1596-1604, by the Society for research in Child Development, Inc, All right reserved.

[15]. Loots & Devisé, (2003), *The use of visual tactile communication strategies by deaf and hearing fathers and mothers of deaf infants*, Journal of Deaf studies and Deaf Education, 8, p.31-42.

### ENHANCING THE EFFECTIVENESS OF THE SOCIAL INTERACTION OF DEAF CHILDREN

LE THI THUY HANG

*National College for Education*  
Email: [thuyhang213@yahoo.com](mailto:thuyhang213@yahoo.com)

**Abstract:** *Limitations of social interaction skill of deaf children are barriers to social integration and adaptability. Increasing the effectiveness of social interaction for pre-school deaf children will help them to be proactive in using language and ways to express and receive information in communication, enable the development and social integration of children. The article mentions: concepts related to deaf, deafness and social interaction; characteristics of the need to use sign language in the social interaction of deaf children; notices to ensure the effectiveness of the social interaction of deaf children, which emphasizes the encouragement of children to use sign language, uses general ways of integrated communication and adaptation to eye communication needs with the aim to create a friendly environment without pressure and language distinctness with deaf children.*

**Keywords:** *Social integration; sign language; communicative process; kindergarten.*